

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phạm Thu Phương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thu Phương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thu Phương Mã SV: 141 240 1392

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T*

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán.
 - Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.
 - Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Văn Thụ*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: *Trường Đại học Dân lập Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng ... năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thu Phương

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*
Họ và tên sinh viên: *Phạm Thu Phương* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T*
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Phạm Thu Phương* đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán thanh toán tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 08 tháng 06 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Các hình thức thanh toán.....	3
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	5
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua... 6	
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.	8
1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	10
1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	10
1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	11
1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	13
1.5 Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ	17
1.5.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.....	17
1.5.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.....	18
1.6. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.....	20
1.6.1. Hình thức Nhật ký chung.....	20
1.6.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	21
1.6.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	22
1.6.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	23
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T	25
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.....	25
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T	25

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.....	26
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.....	27
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.	29
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	29
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	31
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	31
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.....	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T	33
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.....	33
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T	34
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T	44
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T.....	63
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.....	63
3.1.1. Ưu điểm.....	63
3.1.2. Hạn chế	64
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán	67
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.	67
KẾT LUẬN.....	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tình hình tài chính của Doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động của Doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Doanh nghiệp phải xem cả tình hình tài chính của Doanh nghiệp mình mới có thể ra các quyết định kí kết hợp đồng có đủ khả năng thanh toán để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho Doanh nghiệp.

Có thể nói rằng, các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển.

Trong tình hình Việt Nam đang hòa mình vào nền kinh tế thế giới, đối mặt với nhiều khó khăn thử thách thì các doanh nghiệp nói chung và đối với Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T nói riêng cần phải có những biện pháp để củng cố và phát huy địa vị hơn nữa. Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T là công ty kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp nên phải đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán với người mua và người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một các tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là việc làm thật sự cần thiết và có ý nghĩa.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu tại trường có được những kiến thức cơ bản và đặc biệt trong quá trình thực tập tại phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T, em đã chọn đề tài “ *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T*” làm đề tài khóa luận.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu những lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

- Qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

➤ **Đối tượng nghiên cứu:** Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

➤ **Phạm vi nghiên cứu:**

- Về không gian: tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.
- Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2018

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài. Bài viết đã tổng hợp các kiến thức liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp theo TT 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016. Số liệu được lấy để minh họa trong bài viết được lấy trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến nhà quản lý cũng như những người có liên quan về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài như hỏi về vấn đề áp dụng công nghệ thông tin vào công tác ghi chép sổ sách kế toán, về công tác theo dõi công nợ phải thu khách hàng.

5. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – *ThS. Nguyễn Văn Thụ*, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này .

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất.

Và bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.2. Các hình thức thanh toán

Thanh toán: là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao tài sản từ một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Hình thức thanh toán: Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên

phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- **Hình thức thanh toán bằng tiền mặt**

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu), nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hoặc các giấy tờ có giá trị.

- **Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt**

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán.

Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là hình thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ. Hình thức này ngày càng được sử dụng phổ biến vì tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền mặt trong lưu thông. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu:

Hình thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng

nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

Hình thức nhờ thu phiếu tron: là phương thức thanh toán mà người bán ký phát hối phiếu nhờ ngân hàng thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu từ người mua, không gửi kèm theo bất cứ một chứng từ nào. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

Hình thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

Hình thức tín dụng chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng .

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

b) Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng

hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

c) Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

d) Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được. Khoản thiệt hại về nợ phải thu khó đòi sau khi trừ dự phòng đã trích lập được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Khoản nợ khó đòi đã xử lý khi đòi được, hạch toán vào thu nhập khác.

đ) Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, BĐSĐT đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT(hay hóa đơn bán hàng).
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính;
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng;
- Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ;
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng;
- Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng;
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT);
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua;
- Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Số dư bên Nợ:

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

- **Tài khoản này có thể có số dư bên Có:** Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết

theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131,...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp.

(1). Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

a) Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2). Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 511 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(3). Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

a) Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

b) Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 511 - Các khoản giảm trừ doanh thu (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(4). Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5). Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(6). Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7). Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8). Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Đồng thời cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

b) Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

c) Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

d) Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

đ) Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

***Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng

- Các chứng từ liên quan khác

* **Tài khoản và sổ sách sử dụng**

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán

Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính lớn hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức;
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức;

- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ: Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán; Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112, ...

1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

(1). Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn

cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(4). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(5). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(6). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 154, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

(7). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(8). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(9). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(10). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá

công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

1.5. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.5.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

+ **Tỷ giá:** Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

+ Quy định về sử dụng tỷ giá :

Tỷ giá ghi sổ gồm : Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh : Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán

❖ *Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:*

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán.

1.5.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

a. Tài khoản sử dụng

- TK131 - Phải thu khách hàng
- TK331 - Phải trả người bán
- TK635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế

Có TK 3331 Tỷ giá thực tế

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111(1112),112(1122): Tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122) : Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 : Lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 131 : Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

c. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

+ Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 211 : tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 : tỷ giá thực tế

Có TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán - tỷ giá thực tế

+ Khi thanh toán :

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 : nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá

Nợ TK 331 : tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... : số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 : nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 – Phải trả người bán.

1.6. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

Các hình thức ghi sổ kế toán theo 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính áp dụng cho doanh nghiệp gồm 4 hình thức sau:

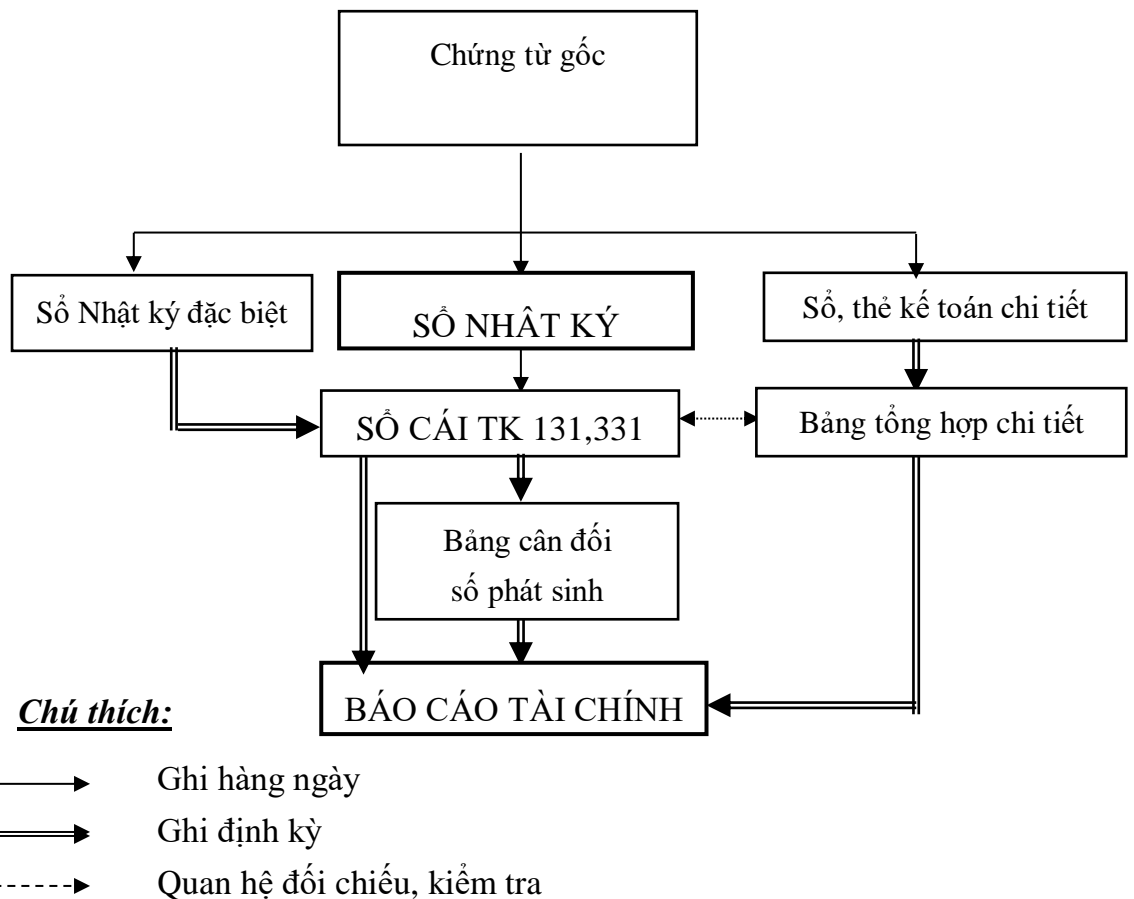
- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.6.1. Hình thức Nhật ký chung

Hình thức Sổ Nhật ký chung phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



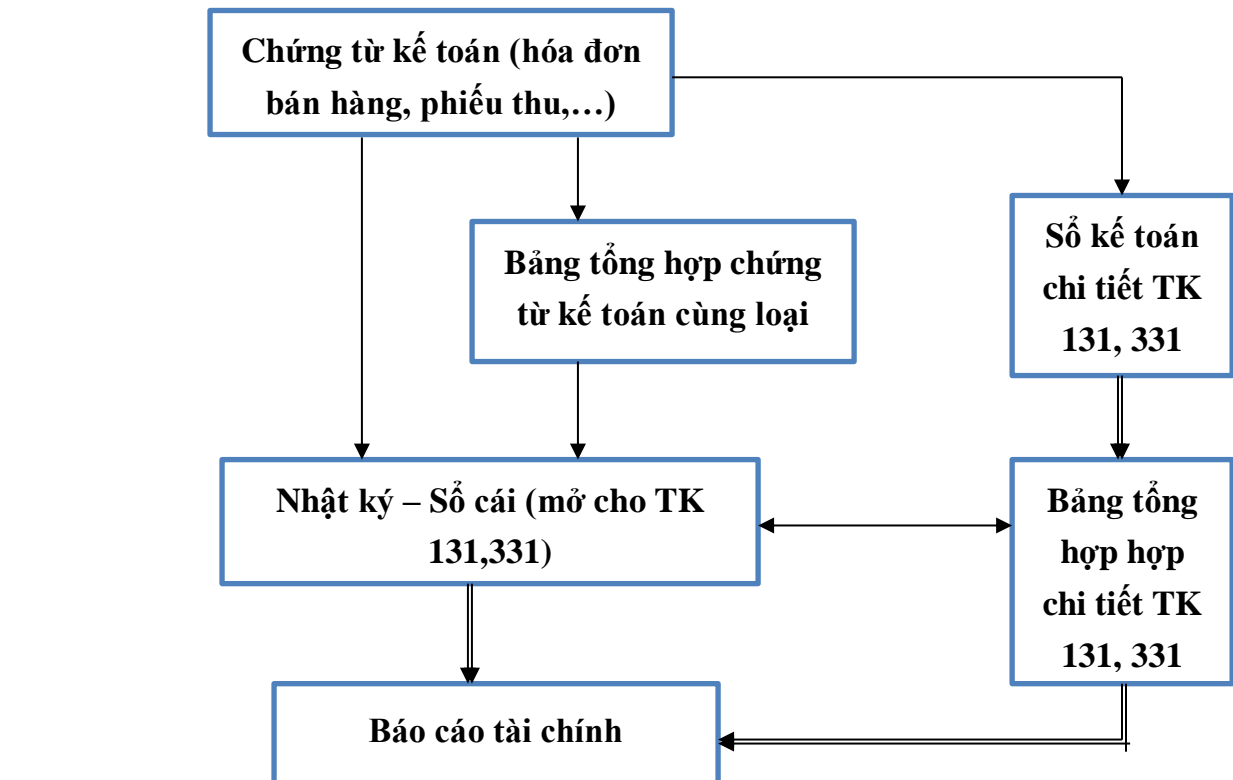
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

1.6.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

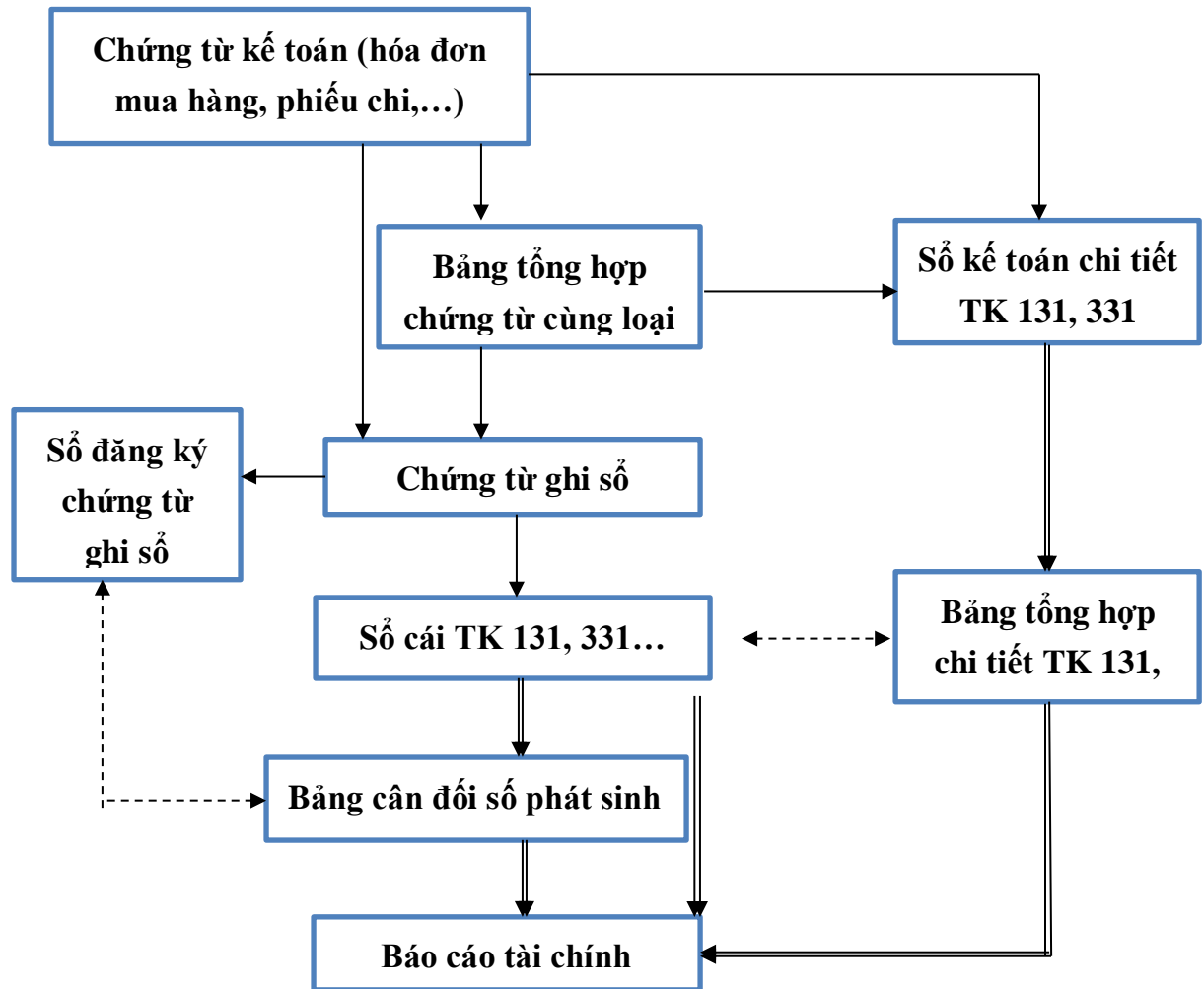
1.6.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.6.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

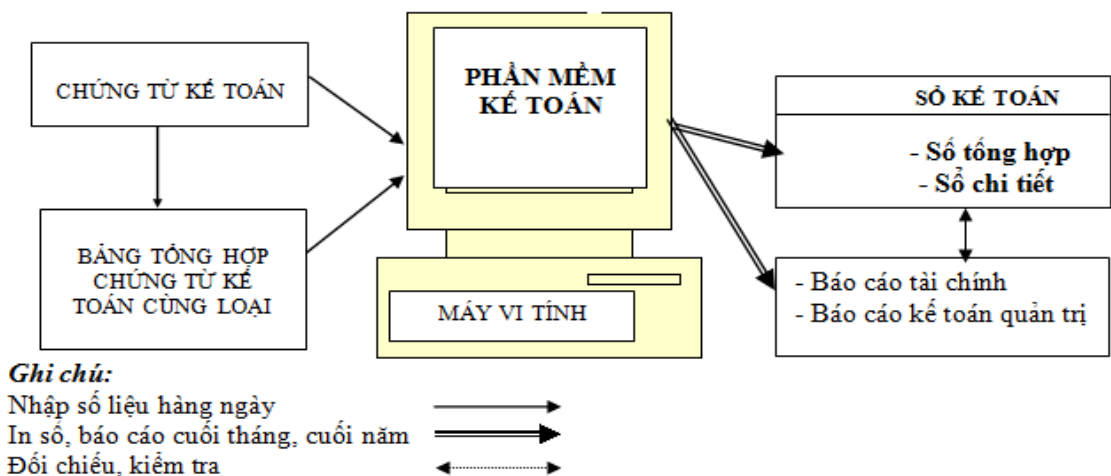
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

Thông tin chung về công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt	: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T
Địa chỉ chủ sở chính	: Số 3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng.
Điện thoại	: 0255. 3804399
Fax	: 0255. 3804399
Hình thức sở hữu	: Công ty trách nhiệm hữu hạn
Mã số doanh nghiệp	: 0201010897
Ngày thành lập	: ngày 20 tháng 11 năm 2009

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2009 với tên gọi là Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T. Công ty có 16 thành viên. Ngày 10/11/2009 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn. Cho đến nay, Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ xây lắp cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

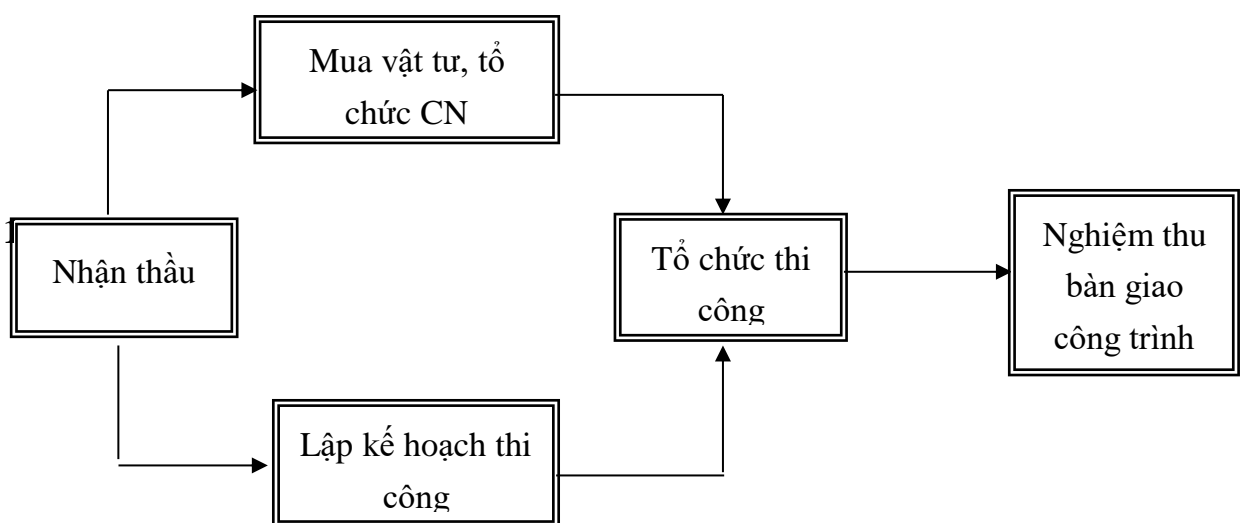
Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về xây dựng các công trình dân dụng cũng như đường xá, cầu cống, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa. Qua gần 10 năm hình thành và phát triển, công ty đã dần tạo được chỗ đứng trên thị trường.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T là một công ty mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản nên quá trình sản xuất mang tính liên tục đa dạng, kéo dài và phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau.

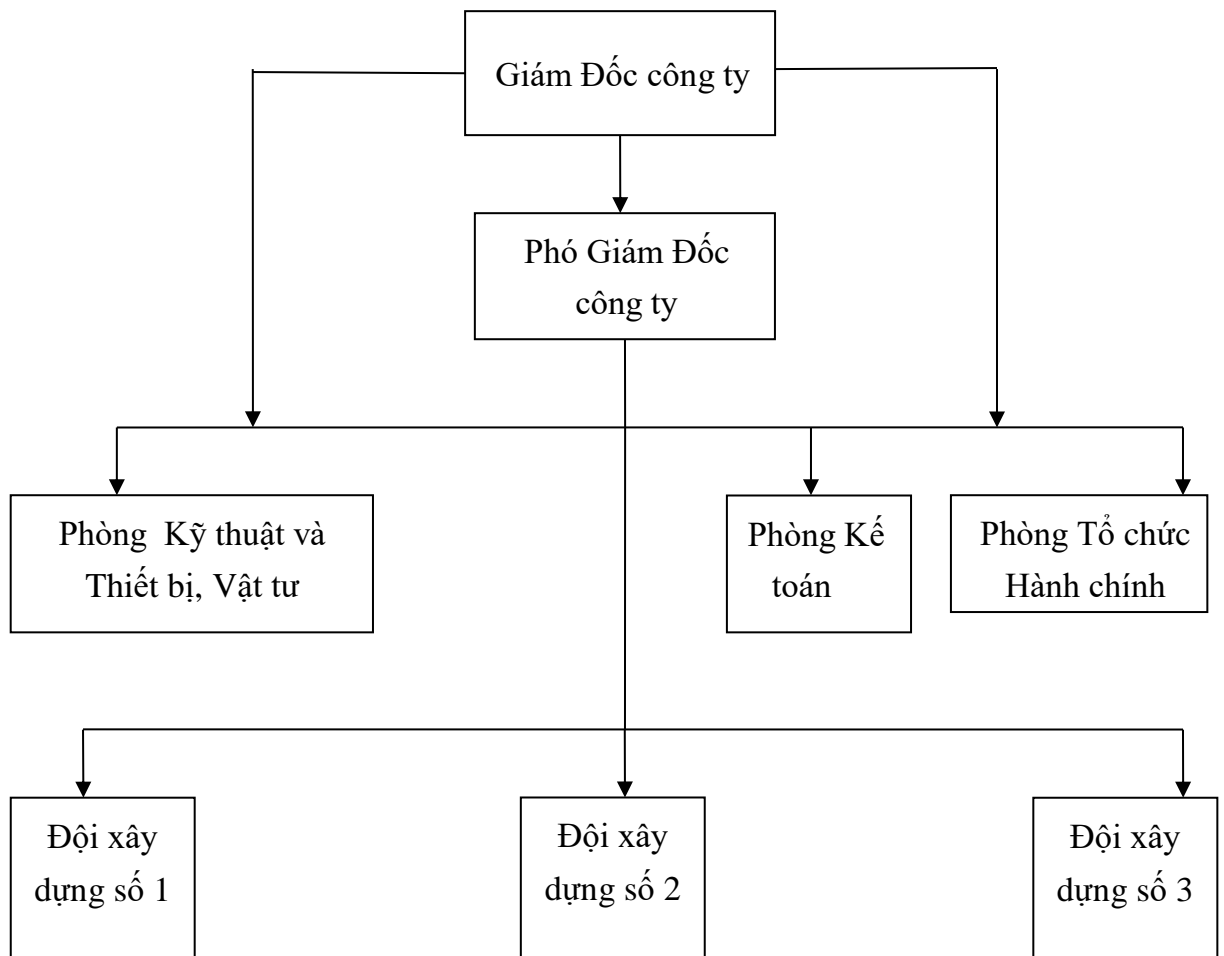
Mỗi công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, địa điểm thi công thao tác khác nhau. Do đó quy trình sản xuất kinh doanh của công ty là quá trình liên tục khép kín từ giai đoạn thiết kế đến giai đoạn hoàn thiện và bàn giao công trình. Các giai đoạn thực hiện công trình xây dựng của công ty được tiến hành tuần tự theo các bước sau:

- + Nhận thầu thông qua đấu thầu hoặc giao thầu trực tiếp (Chỉ định thầu).
- + Ký hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư công trình (Bên A).
- + Trên cơ sở hồ sơ thiết kế và hợp đồng xây dựng đã được ký kết, công ty tổ chức quá trình sản xuất thi công để tạo ra công trình hay hạng mục công trình.
 - + Xây dựng, lắp ráp hoàn thiện công trình.
 - + Công trình được hoàn thành dưới sự giám sát của tư vấn giám sát, chủ đầu tư công trình về mặt kỹ thuật và tiến độ thi công.
- + Bàn giao công trình hoàn thành và quyết toán hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.



Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ xây lắp.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý trong doanh nghiệp

.Công ty được tổ chức hoạt động kinh doanh dưới hình thức công ty TNHH nên bộ máy quản lý của Công ty sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Giám đốc. Bộ máy hoạt động của Công ty bao gồm 3 phòng ban chức năng và 3 đội xây lắp. Trong đó, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, phòng ban chức năng được quy định cụ thể như sau:

*** Ban giám đốc:**

Giám đốc: Là người có quyền quyết định điều hành hoạt động của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động kinh doanh của Công ty trước pháp luật.

Được quyền thay thế hoặc miễn nhiệm những cán bộ hoặc người lao động khi xét thấy họ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

Phó giám đốc: Có nhiệm vụ giúp giám đốc giải quyết các công việc được phân công, có quyền ra mệnh lệnh cho các bộ phận do mình quản lý với quan hệ mang tính chỉ huy và phục tùng.

Là người tham mưu cho giám đốc, cùng giám đốc thương thảo các hợp đồng, dựa trên các phương án của phòng kế hoạch sản xuất để đưa ra các đơn giá phù hợp cho từng hợp đồng...

* **Các phòng ban chức năng:** Đây là một ban tham mưu giúp việc cho Giám đốc, chịu sự điều hành của ban Giám đốc. Ngoài việc thực hiện chức năng của mình, các phòng ban cũng phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm kiểm tra, đối chiếu số liệu và giúp đỡ nhau hoàn thành công việc được giao.

- Phòng Kỹ thuật và Thiết bị, Vật tư

+ Chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất (từ hồ sơ thiết kế, đến lập phương án thi công), chỉ đạo sản xuất. Trong phòng kế hoạch sản xuất bộ phận kỹ thuật có chức năng kiểm tra hồ sơ thiết kế lập các mặt cắt, kiểm tra địa chất, giám sát thi công trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ thi công để đạt tiêu chuẩn đề ra.

+ Quản lý tổng hợp máy móc, thiết bị công nghệ, máy thi công, phương tiện vận tải các loại, thiết bị cơ khí, thiết bị điện, hệ thống đường dây, trạm điện.

+ Xây dựng kế hoạch sửa chữa cơ khí, phục hồi thiết bị. Tham gia cùng các phòng chức năng của công ty xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đầu tư thiết bị. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sửa chữa cơ khí, phục hồi thiết bị, hướng dẫn kỹ thuật lắp máy, lắp điện, hiệu chỉnh điện...

+ Tổng hợp cân đối nhu cầu huy động, đổi mới thiết bị và phụ tùng thay thế.

+ Chủ trì đánh giá tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyên; chủ trì chuẩn bị hồ sơ, thủ tục thanh lý tài sản cố định như máy móc, thiết bị theo phân cấp quản lý.

+ Tham gia xây dựng các định mức kỹ thuật về năng suất máy móc, tiêu hao năng lượng, nhiên liệu, vật tư phụ tùng. Định mức tổng hợp sửa chữa phương tiện, máy, sản xuất cơ khí và xây dựng các quy trình vận hành...

+ Nhập xuất vật tư – nhiên liệu phục vụ cho sửa chữa và thi công.

- Phòng Tổ chức Hành chính:

+ Là đơn vị tham mưu giúp giám đốc chỉ đạo quản lý về tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng nguồn lực, ban hành các quy chế nội bộ.

+ Giải quyết các chế độ chính sách, quyền lợi của công nhân viên trong Công ty.

- Phòng Kế toán:

+ Là đơn vị tham mưu giúp giám đốc về quản lý tài chính và tổ chức công tác hạch toán kế toán toàn công ty.

+ Thực hiện đúng các chế độ quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác của nhà nước, có kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm trình Giám đốc.

+ Hướng dẫn các đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh thống kê, kế toán, các quy định của Nhà nước trong công tác hạch toán kế toán và luật thuế.

+ Tổng hợp quyết toán tài chính và phân tích tình hình tài chính hàng quý, hàng năm.

+ Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo chế độ quy định của Nhà nước.

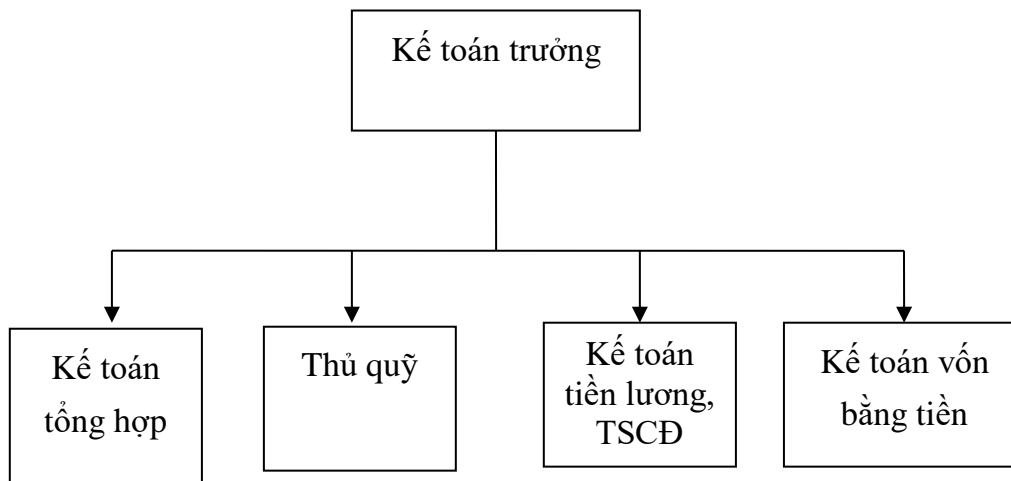
+ Theo dõi tổng hợp tình hình sử dụng và đề xuất biện pháp quản lý mạng lưới kinh doanh của Công ty.

- **Các đội thi công:** trực tiếp thi công, lắp đặt các công trình theo thiết kế đã được duyệt.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán thống kê cũng đã được chấn chỉnh từ sổ sách kế toán, quản lý chứng từ áp dụng theo dõi, quản lý tài chính bằng phần mềm vi tính nên đã phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời hơn, chính xác hơn. Dưới đây là mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận kế toán như sau:

- **Kế toán trưởng:** Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán - tài chính trong công ty, tổ chức điều hành bộ máy kế toán, lập báo cáo tài chính. Là người chịu trách nhiệm chung về thông tin do phòng kế toán - tài chính cung cấp, và thực hiện các khoản đóng góp của công ty với ngân sách Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ thuế và các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ theo dõi lập dự toán công trình; tập hợp và luân chuyển các chứng từ từ các phân hệ kế toán có liên quan để tập hợp các yếu tố chi phí như nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, máy thi công, nhân công, sản xuất chung vào phân hệ kế toán mình đảm nhiệm từ đó tính ra giá thành các công trình, hạng mục công trình và giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng công trình; cuối cùng quyết toán thanh toán khối lượng công trình hoàn thành. Là người tổng hợp số liệu kế toán lập báo cáo, tổng hợp các thông tin kế toán do các phân hành kế toán khác cung cấp.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, vay vốn tín dụng, lập các kế hoạch vay vốn và lập các kế hoạch thu chi. Kế toán chịu trách nhiệm trong việc thanh toán và tình hình thanh toán với tất cả khách hàng cộng thêm cả phần công nợ phải trả. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ gốc, kế toán thanh toán viết phiếu thu chi (đối với tiền mặt), séc, uỷ nhiệm chi....(đối với tiền gửi ngân hàng). Hàng tháng lập bảng tổng hợp séc và sổ chi

tiết đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng, lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch

- **Kế toán tiền lương, TSCĐ:** Thanh toán số lương phải trả trên cơ sở tiền lương cơ bản và tiền lương thực tế với tỉ lệ % theo quy định hiện hành. Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định. Tính và phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng.

- **Thủ quỹ:** Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hằng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC.

- **Niên độ kế toán** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- **Đơn vị tiền tệ** sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
- **Phương pháp khấu hao:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ.
- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

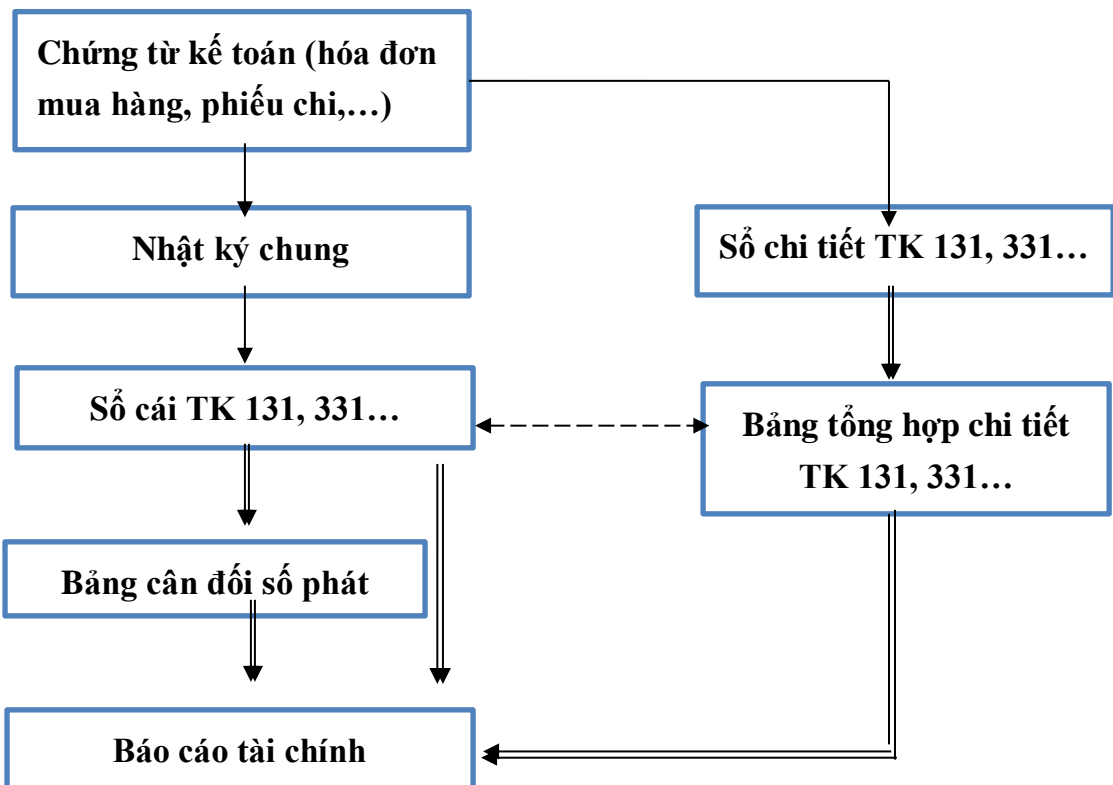
- Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán:” Nhật ký chung”.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của

ng nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 511, 515, 111, 112, 131,331, 632, 911.....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131, bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn ...



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng

tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

❖ ***Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:***

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán- Mẫu B01a-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09-DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

❖ **Phương thức thanh toán:**

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T có hai phương thức thanh toán đó là thanh toán ngay (trực tiếp) và thanh toán chậm trả.

+ Đối với người mua: Công ty là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên khi ký hợp đồng với khách hàng công ty sẽ được ứng trước một phần giá trị hợp đồng để thi công công trình. Khi các hạng mục hoàn thành bàn

giao công ty sẽ viết hóa đơn cho khách hàng và thanh toán tiếp. thông thường khách hàng sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng tiền bảo hành công trình trong vòng một năm.

+ Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Còn đối với nhà cung cấp lâu năm, nhà cung cấp theo phương thức hàng gói hàng công ty áp dụng hình thức trả ngay hoặc trả chậm tùy vào thỏa thuận của hai bên.

❖ **Hình thức thanh toán**

Tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T có các hình thức thanh toán đó là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

Đối với người bán, hình thức thanh toán bằng chuyển khoản được áp dụng bắt buộc trong trường hợp thanh toán cho người bán với giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên, còn đối với khoản tiền có giá trị nhỏ hơn 20.000.000 đồng thì có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo tình hình thực tế.

Đối với người mua, thanh toán bằng chuyển khoản hay bằng tiền mặt đối với khách hàng là có thỏa thuận của hai bên.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

➤ **Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng:**

- *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

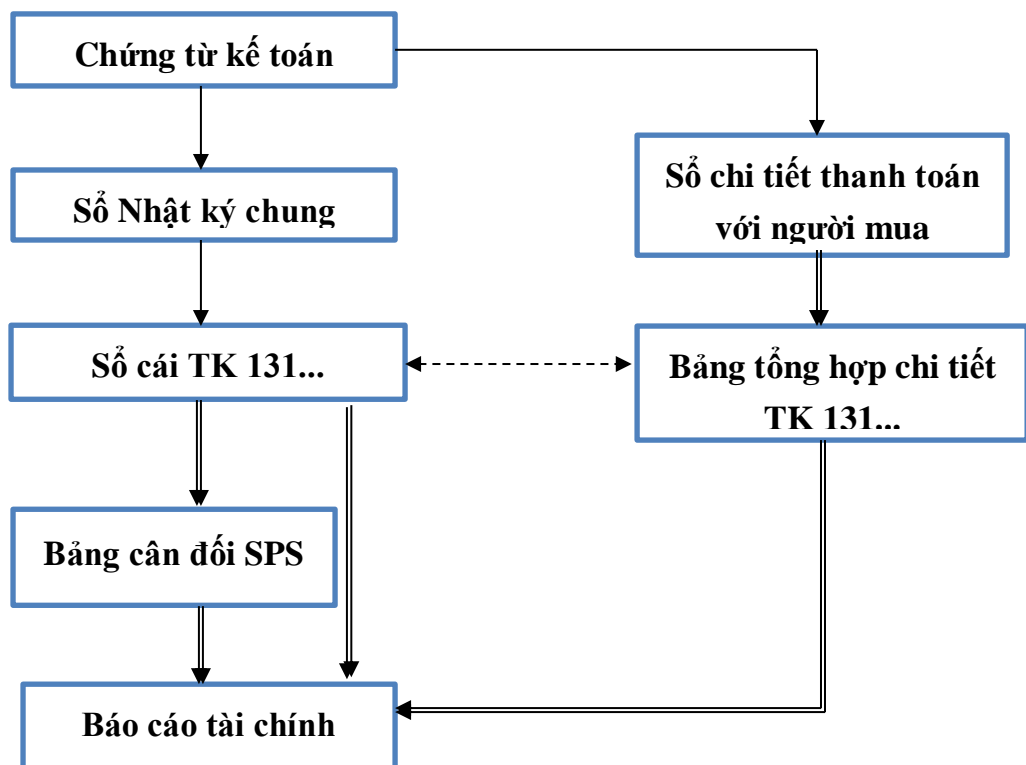
+ *Tài khoản sử dụng:*

TK 131 : Phải thu của khách hàng.

Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng.

- Sổ sách sử dụng:
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

Quy trình hạch toán



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi định kỳ
 - > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ trong kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK

131, TK 511, TK 333,... Đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi khoản phải thu cho từng khách hàng.


- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Ví dụ 1: Ngày 01/03/2018, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng trước tiền theo hợp đồng cho công ty số tiền là 300.000.000đ bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh, sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 111.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Biểu số 2.1: Giấy báo có ngân hàng

	Số: 102
GIẤY BÁO CÓ	Mã GDV: NGADTQT
Ngày: 01/03/2018	Mã KH: 5942534
Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T	
Mã số thuế: 0201010897	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 102010000995988	
Số tiền bằng số: 300.000.000đồng	
Số tiền bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./	
Nội dung: ## Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng trước tiền theo hợp đồng ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Ví dụ 2: Ngày 25/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000572 công ty nghiệm thu khối lượng xây lắp công trình cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000572 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 131, TK 511 và TK 333

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng.

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 000572

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/18P		
Ngày 25 tháng 10 năm 2018			Số: 0000572		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T					
Mã số thuế: 0201010897					
Địa chỉ: 3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.					
Điện thoại: 0225 3856 361					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh					
Mã số thuế: 0200585724					
Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Giá trị thi công công trình nhà làm việc theo HĐKT số 009/HĐKT và biên bản quyết toán				987.345.214
Cộng tiền hàng					987.345.214
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		98.734.521
Tổng cộng tiền thanh toán					1.086.079.735
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, không trăm bảy chín nghìn, bảy trăm ba lăm đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	
01/03	BC 102/MB	01/03	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng tiền thi công công trình	112 131	300.000.000	300.000.000
...	
05/07	HD 0971	05/07	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	152 133 331	520.050.000 52.005.000	572.055.000
...	
21/08	BN 461/VC	21/08	Trả nợ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	331 112	260.000.000	260.000.000
...	
09/12	PC624	09/12	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	331 111	15.000.000	15.000.000
...	
25/10	HD 572	25/10	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	131 511 333	1.086.079.735	987.345.214 98.734.521
...	
13/12	HD 449	13/12	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	152 133 331	89.080.000 8.908.000	97.988.000
...	
26/12	BN 565/VC	26/12	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An trả tiền	331 112	50.000.000	50.000.000
...	
Cộng phát sinh năm					92.612.564.416	92.612.564.416

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.4 : Trích sổ cái tài khoản 131

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải
Phòng.

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng - Số hiệu: 131
Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		1.497.367.590	
			...			
01/03	BC 102/MB	01/03	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng tiền thi công công trình	112		300.000.000
			...			
25/10	HD572	25/10	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	511 333	987.345.214 98.734.521	
			...			
16/11	BC 402/MB	16/11	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh thanh toán tiền	112		120.000.000
			...			
17/11	BC 404/MB	17/11	Công ty cổ phần thương mại Bình Minh ứng tiền	112		40.000.000
			...			
25/11	HD 611	25/11	Nghiệm thu công trình cho Công ty cổ phần thương mại Bình Minh	511 333	134.000.000 13.400.000	
			...			
			Cộng phát sinh năm		14.258.571.250	13.586.250.247
			Số dư cuối kỳ		2.169.688.593	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông

T&T Mẫu số S13 - DNN

3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Đối tượng : Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					0
			...					
01/03	BC 102/MB	01/03	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng tiền thi công công trình	112		300.000.000		300.000.000
			...					
25/10	HD572	25/10	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	511 333	987.345.214 98.734.521		487.345.214 586.079.735	
			...					
			Cộng số phát sinh			1.086.079.735	800.000.000	
			Số dư cuối kỳ					<u>286.079.735</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

T T	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	...						
04	Cty cổ phần xây lắp Hải Tiến	-		513.860.000	488.167.000	25.693.000	
	...						
06	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	0		1.086.079.735	800.000.000	286.079.735	
	...						
	Cộng	2.242.367.590	745.000.000	14.258.571.250	13.586.250.247	3.269.688.593	1.100.000.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

➤ **Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:**

- + Hợp đồng mua bán
- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ liên quan khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

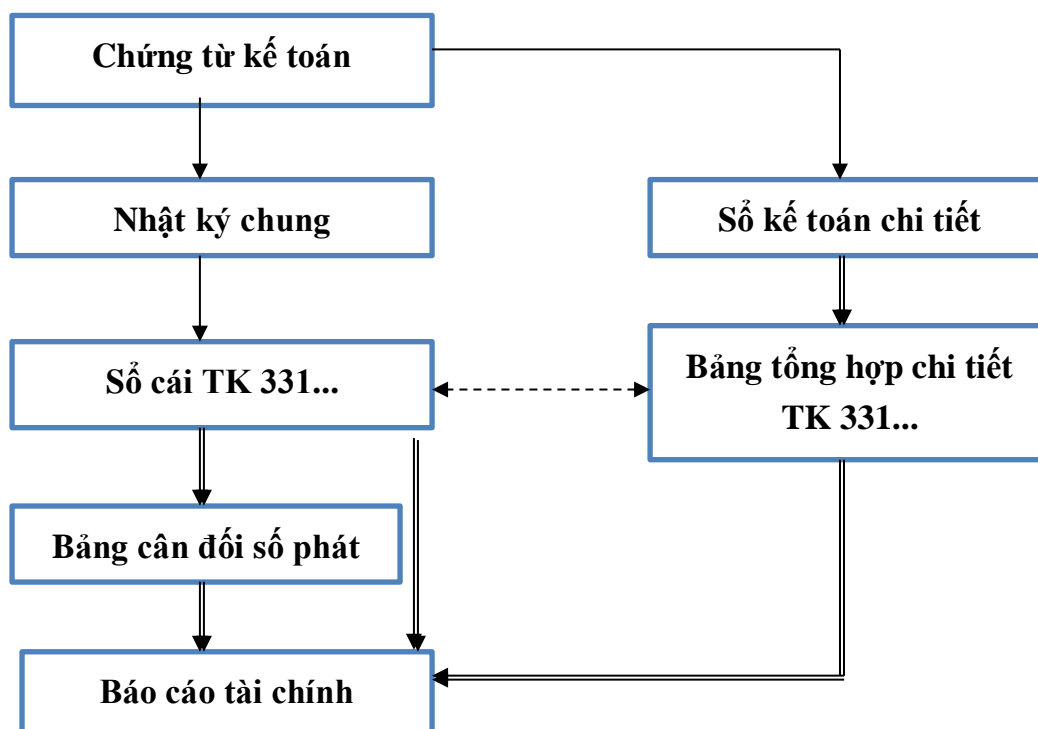
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331 : Phải trả người bán
- + TK 152 : Nguyên vật liệu
- + TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- + ...

➤ **Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:**

- + Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

➤ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi định kỳ
- ←-----> : Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 152, TK 133,...
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán.

Ví dụ 1: Ngày 05/07/2018, Công ty mua vật liệu xây dựng của công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long theo hóa đơn GTGT số 0000971, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000971 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 152, TK133

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán.

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT số 0000971

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: AA/18P

Ngày 05 tháng 07 năm 2018

Số: 0000971

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG**

Mã số thuế: **02 0071911 2**

Địa chỉ: **TỔ 3, GÒ CÔNG 1, PHƯỜNG PHÙ LIỄN, QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: Tại:

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T**

Mã số thuế: 0201010897

Địa chỉ: 3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: 0225 3856 361

Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tôn mạ màu	Kg	12.700	23.500	298.450.000
2	Thép tấm các loại	Kg	1.250	16.000	20.000.000
3	Thép hình các loại	Kg	19.200	10.500	201.600.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					520.050.000
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>					<i>Tiền thuế GTGT:</i> 52.005.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					572.055.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng.</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Ví dụ 2: Ngày 21/08/2018, công ty thanh toán tiền nợ cho Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long bằng chuyển khoản, số tiền 260.000.000 đồng.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.8: Giấy báo nợ của ngân hàng



GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 21/08/2018

Số: 461

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 7726612

Kính gửi: Công ty Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

Mã số thuế:0201010897

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 2310 8

Số tiền bằng số: 260.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./


Nội dung: ##Thanh toán tiền nợ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.9: Ủy nhiệm chi

 <p>ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER</p>		<p>Số: 461 Ngày: 21/08/2018</p>	
<p>Số tiền: 260.000.000 VNĐ</p>		<p>Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài</p>	
<p>Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Công ty cổ phần thương mại Gia Trang</p>			
<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T Applicant: Số CMND: Ngày cấp: -Nơi cấp: Số tài khoản: 0531 0088 2310 8 Tại NH: Vietcombank Hải Phòng</p>		<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0241-1020-844-995 Tại NH: Agri Bank Kiến An - HP</p>	
<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN</p>		<p>NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <i>Giao dịch viên</i> <i>Giao dịch viên</i></p>	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Ví dụ 3: Ngày 08/12/2018, Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An với số tiền 15.000.000đ, bằng tiền mặt.

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 111.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.10: Phiếu chi tiền

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2018

Số: 624

Số 331

Có:111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Đức Toàn

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Chi tạm ứng tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An

Số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn).

Kèm theo 01 chứng từ gốc Giấy đề nghị tạm ứng

Ngày 08 tháng 12 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười lăm triệu đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Ví dụ 4: Ngày 12/12/2018, Mua vật liệu xây dựng của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An theo hóa đơn GTGT số 0000449, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000449 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 152, TK 133.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT số 0000449

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: TM/18P																
Ngày 12 tháng 12 năm 2018			Số: 0000449																
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An																			
Mã số thuế: 0200706351																			
Địa chỉ: Số 312 Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 13899562																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">9</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">-</td><td style="width: 20px;">-</td><td style="width: 20px;">-</td><td style="width: 20px;">-</td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	6	7	9	3	5	-	-	-	-
0	2	0	0	5	6	7	9	3	5	-	-	-	-						
Địa chỉ: 3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.																			
Hình thức thanh toán: CK/TM..... Số tài khoản:.....																			
S T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Xi măng PC30	Bao	550	66.400	36.520.000														
2	Bột bả	Bao	160	328.500	52.560.000														
Cộng tiền hàng					89.080.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		8.908.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					97.988.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn.</i>																			
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>																			

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Ví dụ 5: Ngày 26/12/2018, công ty thanh toán 50.000.000đồng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An bằng chuyển khoản.

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Biểu số 2.10: Giấy báo nợ của ngân hàng



GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 26/12/2018

Số: 565

Mã GDV: PHUCDTQTO

Mã KH: 7726612

Kính gửi: Công ty Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
Mã số thuế:0201010897

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 2310 8

Số tiền bằng số: 50.000.000

Số tiền bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng chẵn./*

Nội dung: ##Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An##

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.13: Ủy nhiệm chi

 <p>Số: 565 Ngày: 26/12/2018</p>	
<p>ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER</p>	
<p>Số tiền: 50.000.000 VNĐ</p>	<p>Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài</p>
<p>Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An</p>	
<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T Applicant: Số CMND: Ngày cấp: -Nơi cấp: Số tài khoản: 0531 0088 2310 8 Tại NH: Vietcombank Hải Phòng</p>	<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An Beneficiary: Số CMND: Ngày cấp: Số tài khoản: 0011-0400-744-195 Tại NH: VIETINBANK Hải Phòng</p>
<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <i>Giao dịch viên</i> <i>Giao dịch viên</i></p>	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	
01/03	BC 102/MB	01/03	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh ứng tiền thi công công trình	112 131	300.000.000	300.000.000
...	
05/07	HD 0971	05/07	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	152 133 331	520.050.000 52.005.000	572.055.000
...	
21/08	BN 461/VC	21/08	Trả nợ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	331 112	260.000.000	260.000.000
...	
09/12	PC624	09/12	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	331 111	15.000.000	15.000.000
...	
25/10	HD 572	25/10	Nghiệm thu khối lượng công trình cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	131 511 333	1.086.079.735	987.345.214 98.734.521
...	
13/12	HD 449	13/12	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	152 133 331	89.080.000 8.908.000	97.988.000
...	
26/12	BN 565/VC	26/12	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An trả tiền	331 112	50.000.000	50.000.000
...	
			Cộng phát sinh năm		92.612.564.416	92.612.564.416

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải
Phòng.

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán - Số hiệu: 331

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			1.487.516.240
			...			
05/07	HD 0971	05/07	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	152 133		520.050.000 52.005.000
			...			
21/08	BN 461/VC	21/08	Trả nợ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	112	260.000.000	
			...			
09/12	PC 624	09/12	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	111	15.000.000	
			...			
13/12	HĐ 449	13/12	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	152 133 331		89.080.000 8.908.000
			...			
26/12	BN 565/VC	26/12	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An trả tiền	112	50.000.000	
...			
			Cộng phát sinh năm		10.287.406.550	10.697.350.900
			Số dư cuối kỳ			1.897.460.590

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S13 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					451.250.361
			...					
05/07	HD 0971	05/07	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	152 133		520.050.000 52.005.000		754.321.278
			...					
21/08	BN 461/VC	21/08	Trả nợ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long	112	260.000.000			128.368.278
			...					
			Cộng số phát sinh		4.145.367.254	4.354.879.247		
			Số dư cuối kỳ					660.762.354

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Mẫu số S13 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					214.568.224
			...					
09/12	PC624	09/12	Ứng tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	111	15.000.000		15.000.000	
			...					
13/12	HĐ 449	13/12	Mua vật tư của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An	152 133		89.080.000 8.908.000		314.287.669
			...					
26/12	BN 565	26/12	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An trả tiền	112	50.000.000			125.428.331
			...					
			Cộng số phát sinh		1.257.864.667	1.241.359.154		
			Số dư cuối kỳ					198.062.711

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp phải trả người bán

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T
3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tam Long		451.250.361	4.145.367.254	4.354.879.247		660.762.354
2	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành An		214.568.224	1.257.864.667	1.241.359.154		198.062.711
	...						
4	Công ty TNHH TM Lan Ngọc		5.400.153	58.211.660	80.769.325		27.957.818
	...						
	Cộng		1.487.516.240	10.287.406.550	10.697.350.900		1.897.460.590

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG T&T

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp. Trong thời kì kinh tế phát triển hiện nay, công ty đã và đang có những bước tiến xa hơn trong lĩnh vực hoạt động của mình với sự phát triển của hệ thống nhà cung cấp và khách hàng. Vì vậy, kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng ngày càng cần phải hoàn thiện hơn.

Bên cạnh những ưu điểm, thì công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T còn tồn tại nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán với người mua và người bán là phải tìm cách phát huy những ưu điểm và hạn chế và khắc phục những nhược điểm để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

+ Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, đầy nhiệt huyết, năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán là phù hợp với doanh nghiệp xây lắp vì có địa bàn hoạt động rộng rãi. Cán bộ kế toán được bố trí hợp lý, đảm bảo đúng người, đúng việc. Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác.

- Về hình thức kế toán: Công ty hiện đang áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh

doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ theo trình tự thời gian.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số TT 133/2016/QĐ-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:

+ Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

+ Để tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, không là gián đoạn quá trình kinh doanh. Công ty thực hiện thanh toán đúng thời hạn hợp đồng kinh tế

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những

sai sót, giảm hiệu quả của công việc vì vậy việc tổng hợp số liệu phục vụ cho yêu cầu quản trị còn hạn chế.

Thứ hai, đối với các khoản nợ phải thu thì công ty chưa có biện pháp để thu hồi nợ hiệu quả và công tác đối chiếu công nợ để thu hồi vốn chưa được diễn ra thường xuyên. Công ty còn bị động trong công tác thu hồi nợ đọng.

Thứ ba, về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh, thậm chí có cả khoản nợ được xác định là không đòi được. Điều này không phản ánh đúng trạng tình hình tài chính tại đơn vị trên các báo cáo tài chính và làm ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong thời gian tới.

Thứ tư, về công tác thanh toán cho người bán.

Công ty có nhiều hoạt động mua bán với những công ty khác, có những khoản công ty phải thanh toán tiền ngay nhưng đa phần công ty được nợ có thời hạn. Có nhiều khoản nợ công ty phải thanh toán với người bán nhưng công ty lại chưa trả đúng hạn. Điều này là do công ty chưa thu hồi kịp các khoản nợ nên dẫn đến việc thanh toán cho khách hàng nhiều khi không đúng hạn, làm giảm uy tín của công ty với bạn hàng.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu đến ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU
ĐẾN NGÀY 31/12/2018**

STT	Tên khách hàng	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty Cổ Phần Song Ân	142.330.600			142.330.600	
..
4	Cty cổ phần Thương mại Đại An	250.600.000			250.600.000	
...			
10	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh	286.079.735	286.079.735			
...
	Tổng cộng	3.269.688.593	1.372.482.712	1.031.939.138	740.706.743	124.560.000

Hải phòng, ngàyThángNăm

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T)

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển mạnh mẽ. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại.

Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T phải hoàn thiện hơn, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng.

Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó tạo ra vốn cho doanh nghiệp phát triển và góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty như sau:

➤ **Ý kiến thứ 1: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.**

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực

hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2018)

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2018 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

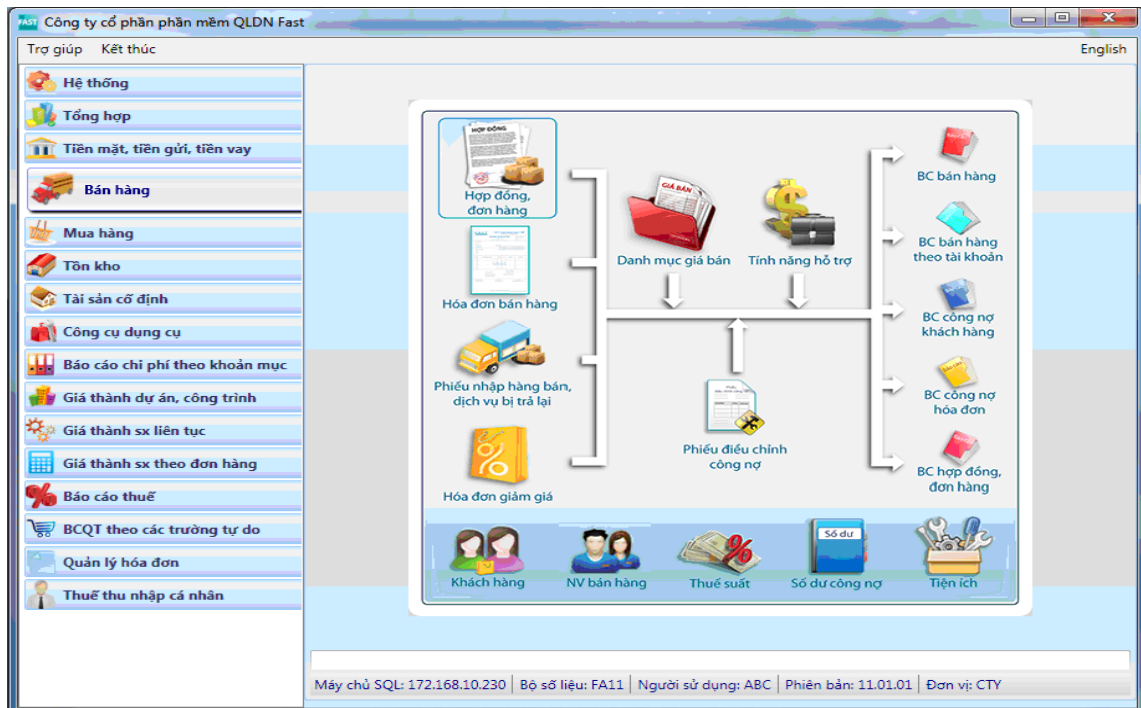
- Tính chính xác: số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.



➤ **Phần mềm kế toán Fast 2018**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình
- Tốc độ xử lý nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.



➤ **Phần mềm kế toán 3T SOFTWARE 2018**



➤ **Ý kiến thứ 2: Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.**

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.*

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Vietcombank nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên tại ngày 31/12/2018 là 5.4% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,6%/năm. Công ty sẽ dựa vào đó để đưa ra các mức chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 0,7%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- Chiết khấu 0,8%/tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ trước hạn. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

➤ **Ý kiến thứ 3: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi .**

Hiện nay, Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là chắc chắn không đòi được.

Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính.

❖ *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:*

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

❖ *Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

❖ *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

- Kết cấu của tài khoản 2293 : dự phòng phải thu khó đòi

+ **Bên nợ:**

- Hoàn nhập giá trị các khoản phải thu không thể đòi được, xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi

+ **Bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Số dư bên có:**

- Số dự phòng phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

❖ Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí , ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ . Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có 131, 138 :

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2018 được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T

Địa chỉ: 3/4/178 Nguyễn Văn Linh, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2018

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần Song Ân	142.330.600	1 năm 3 tháng 5 ngày	50%	71.165.300
2	Cty cổ phần Thương mại Đại An	250.600.000	1 năm 8 tháng 10 ngày	50%	125.300.000
...
	Tổng cộng	740.706.743	x	x	365.241.205

Ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được xử lý như sau:

Số nợ khó đòi không thể thu hồi năm 2018: 124.560.000đồng. Công ty tiến hành xóa sổ.Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 124.560.000

Có TK 131: 124.560.000

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2018 cho khoản nợ quá hạn là: 365.241.205đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 365.241.205

Có TK 229(3) : 365.241.205

Từ nghiệp vụ trên, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái cũng như các sổ sách kế toán khác có liên quan.

❖ **Ý kiến thứ 4:** Về thanh toán cho người bán đúng hạn.

Các khoản nợ phải trả người bán nhìn chung đã được công ty thanh toán đúng hạn. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh khoản nợ quá hạn trong kỳ làm ảnh hưởng đến uy tín của công ty trong quan hệ thanh toán. Vì vậy, công ty cần:

+ Xây dựng kế hoạch về vốn để đảm nhu cầu về vốn trong quá trình kinh doanh cũng như nhu cầu về vốn cho việc thanh toán nợ.

+ Mở sổ theo dõi nhằm phân loại nợ để có kế hoạch thanh toán kịp thời cho các khoản nợ đến hạn.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ đúng hạn cho nhà cung cấp trong trường hợp đến hạn thanh toán.

Nếu công ty làm được điều này sẽ làm tăng uy tín của mình đối với các nhà cung cấp, tạo niềm tin đối với các đối tác làm ăn với doanh nghiệp trong tương lai.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC.

- + Về công tác kế toán thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán
- + Công tác thu hồi nợ
- + Công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- + Công tác thanh toán cho người bán

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T:

- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.
- Kiến nghị về việc xây dựng các biện pháp thu hồi nợ phải thu.

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Kiến nghị về thanh toán cho người bán kịp thời, tránh dây dưa

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo ***ThS. Nguyễn Văn Thụ*** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên
Phạm Thu Phương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
2. Công ty TNHH Xây dựng Công trình Giao thông T&T (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
3. Các tài liệu khác trên mạng internet.